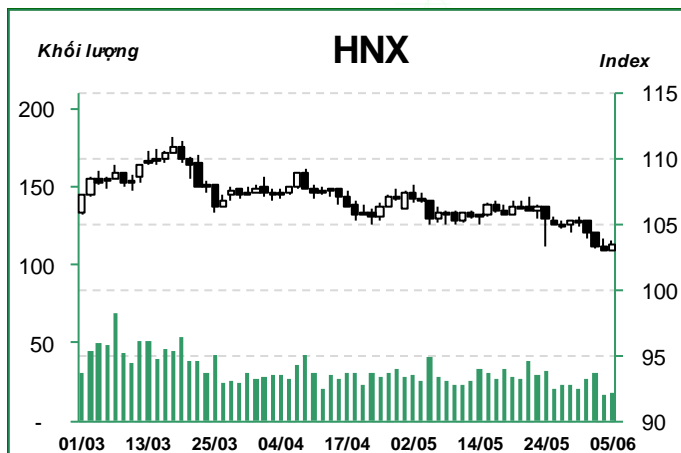
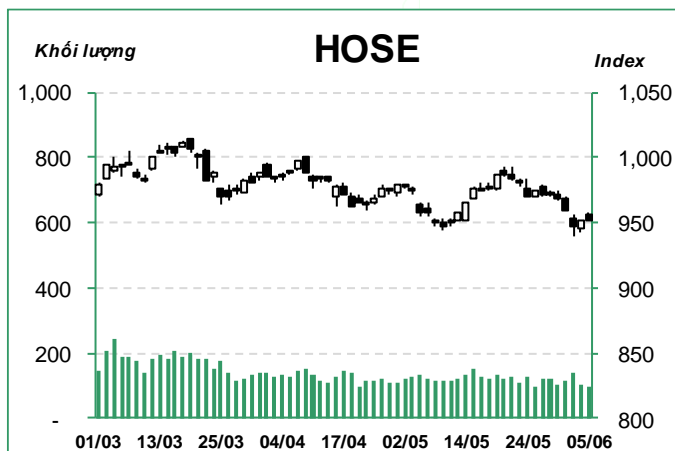


## Tổng quan thị trường

| 05/06/2019                  | HOSE            |                | VN30            |                | HNX           |               |
|-----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|---------------|---------------|
|                             | Giá trị         | Thay đổi %     | Giá trị         | Thay đổi %     | Giá trị       | Thay đổi %    |
| <b>Giá trị đóng cửa</b>     | <b>951.41</b>   | <b>0.03%</b>   | <b>863.69</b>   | <b>-0.08%</b>  | <b>103.54</b> | <b>0.47%</b>  |
| Cuối tuần trước             | 959.88          | -0.88%         | 876.29          | -1.44%         | 104.35        | -0.78%        |
| Trung bình 20 ngày          | 969.92          | -1.91%         | 883.77          | -2.27%         | 105.28        | -1.65%        |
| <b>Tổng KLGD (triệu cp)</b> | <b>131.58</b>   | <b>-18.98%</b> | <b>38.29</b>    | <b>-31.47%</b> | <b>20.37</b>  | <b>18.32%</b> |
| <b>KLGD khớp lệnh</b>       | <b>95.44</b>    | <b>-7.17%</b>  | <b>27.11</b>    | <b>-16.66%</b> | <b>17.77</b>  | <b>7.19%</b>  |
| Trung bình 20 ngày          | 121.28          | -21.31%        | 37.78           | -28.24%        | 27.07         | -34.37%       |
| <b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>  | <b>2,697.40</b> | <b>-19.48%</b> | <b>1,145.78</b> | <b>-29.99%</b> | <b>240.76</b> | <b>8.25%</b>  |
| <b>GTGD khớp lệnh</b>       | <b>1,950.70</b> | <b>-6.83%</b>  | <b>893.65</b>   | <b>-17.49%</b> | <b>222.38</b> | <b>2.69%</b>  |
| Trung bình 20 ngày          | 2,721.24        | -0.88%         | 1,369.17        | -16.32%        | 339.15        | -29.01%       |
|                             | Tỷ trọng        |                | Tỷ trọng        |                | Tỷ trọng      |               |
| <b>Số mã tăng</b>           | 176             | 51%            | 9               | 30%            | 68            | 18%           |
| <b>Số mã giảm</b>           | 111             | 32%            | 10              | 33%            | 62            | 17%           |
| <b>Số mã đứng giá</b>       | 60              | 17%            | 11              | 37%            | 239           | 65%           |



Bất nhịp cùng diễn biến khá tích cực của tình hình vĩ mô thế giới trong phiên tối qua, thị trường đã có màn mở đầu ATO khá ấn tượng khi nhanh chóng bật tăng ngay từ những giờ phút giao dịch đầu tiên. Tuy nhiên, tâm lý chung vẫn còn khá thận trọng khiến cầu mua đỡ không đủ sức đưa thị trường đi lên một cách dứt khoát để xác lập đà tăng mạnh đầu phiên. Thanh khoản cả hai sàn vẫn duy trì thấp hơn các phiên trước đó cho thấy dòng tiền đầu tư vẫn đang tiếp tục giữ vị thế quan sát trong giai đoạn hiện tại. Diễn biến của khối ngoại cũng kém sôi động hơn giai đoạn trước khi đà mua ròng suy giảm cả trên HOSE và HNX. Kết phiên, HOSE đóng cửa trên mốc tham chiếu trong khi HNX đã có phiên xanh trở lại sau chuỗi điều chỉnh liên tiếp. Nhìn chung, tín hiệu hồi phục trong phiên có phần khá yếu và thiếu tin cậy do động lực tăng khá hạn chế, rủi ro tiếp tục điều chỉnh đang có phần gia tăng. Do đó, nhà đầu tư nên tiếp tục quan sát thị trường và cân nhắc giữ tỷ trọng danh mục ở mức an toàn nhằm hạn chế rủi ro bất ngờ.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 951.41 điểm (+0.03%), với KLGD khớp lệnh đạt 95.4 triệu cổ phiếu (-7.2%), tương đương 1,951 tỷ đồng giá trị (-6.8%).

Thị trường mở màn trong sắc xanh tích cực nhưng áp lực bán trên vùng cản kiểm hãm đà tăng của chỉ số, dẫn dắt đà tăng là các mã cổ phiếu VinGroup-VIC (+1.1%), Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)-NVL (+0.5%), BĐS Phát Đạt-PDR (+1.7%), Địa ốc Đất Xanh-DXG (+1.1%) đều có phiên phục hồi tích cực, hai mã Vietnam Airlines-HVN (+1.3%), Vietjet Air-VJC (+0.1%) có phiên đóng cửa trong sắc xanh ảnh hưởng tích cực đến thị trường. Bên cạnh đó, đà tăng còn đến từ HDBank-HDB (+1.1%), VietinBank-CTG (+0.5%), Ngân hàng Tiên Phong-TPB (+0.4%) của nhóm Bank. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh lại đến từ nhóm này với BID (-1.9%), Eximbank-EIB (-3.5%), VPBank-VPB (-0.8%) điều chỉnh giảm. Đà giảm còn đến từ Nhiệt điện Phả Lại-PPC (-1.2%) nhóm Nhiệt điện và

## Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK       | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| <b>HOSE</b> |                      |                |
| EIB         | 7,632.0              | 131.27         |
| SBT         | 2,300.0              | 40.25          |
| NVL         | 619.0                | 37.48          |
| VGC         | 1,590.0              | 32.60          |
| KMR         | 8,105.9              | 25.13          |
| FRT         | 300.0                | 15.00          |
| SAM         | 1,830.0              | 13.71          |
| VNM         | 100.0                | 12.85          |
| HVN         | 230.0                | 10.12          |
| GEX         | 400.0                | 8.92           |
| <b>HNX</b>  |                      |                |
| DNP         | 355.6                | 5.44           |
| LCS         | 1,703.8              | 4.60           |
| HGM         | 65.2                 | 3.50           |
| VSA         | 188.5                | 3.39           |
| SDA         | 250.0                | 0.70           |
| PVI         | 11.0                 | 0.43           |
| CVN         | 23.0                 | 0.31           |
| PVX         | 10.0                 | 0.01           |
| PVS         | 0.1                  | 0.00           |

VINAMILK-VNM (-0.9%), HABECO-BHN (-3.6%) nhóm Thực phẩm.

Khối ngoại thu hẹp đà mua ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 26.6 tỷ đồng (-76.6%), chủ yếu mua vào KMR (+26.6 tỷ), VIC (+19.1 tỷ), PLX (+8.5 tỷ) trong khi bán ra VGC (-29.6 tỷ), VHM (-14.8 tỷ), VNM (-7.9 tỷ).

Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 103.54 điểm (+0.47%), với KLGD khớp lệnh đạt 17.8 triệu cổ phiếu (+7.2%), tương đương 222.4 tỷ đồng giá trị (+2.7%).

Diễn biến tương tự xảy ra trên HNX khi đà tăng được nhóm các Blue dẫn dắt như Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.0%) nhóm Ngân hàng, bên cạnh là trợ lực đến từ nhóm Bất động sản với Khách sạn Đại Dương-OCH (+9.0%), Vinaconex - ITC-VCR (+1.4%). Có diễn biến tích cực VINACONEX-VCG (+1.1%), Công ty Thống Nhất-BAX (+9.9%), Công ty Cổ phần ANI-SIC (+8.8%) cũng có phiên tăng điểm. Ở chiều ngược lại, nhóm Bảo hiểm với Bảo hiểm PVI-PVI (-1.6%) và Bảo hiểm Bưu điện-PTI (-0.6%) đều điều chỉnh giảm. VICOSTONE-VCS (-0.8%), Viglacera Hạ Long-VHL (-4.9%) thuộc nhóm Vật liệu xây dựng cũng có phiên điều chỉnh giảm đà tăng của chỉ số.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 8.4 tỷ đồng (-32.1%), trong đó bán mạnh các mã PVS (-4.1 tỷ), HGM (-3.5 tỷ), CSC (-0.6 tỷ) trong khi mua vào TIG (+0.4 tỷ), TNG (+0.3 tỷ), SRA (+0.1 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm và duy trì dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang thận trọng và đứng ngoài thị trường. Về mặt xu hướng, chỉ số có thể vẫn nằm trong xu hướng điều chỉnh, khi chỉ số đang đóng cửa dưới MA5 và 20, kèm theo đường +DI nằm dưới -DI, phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong một nhịp hồi phục kỹ thuật lên thử thách lại vùng kháng cự 960 điểm (MA100 và 200), trước khi suy yếu trở lại. Thêm vào đó, khi quan sát kỹ các chỉ báo kỹ thuật khác, như MACD đang cho tín hiệu đi xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể vẫn chịu áp lực bán, ngưỡng hỗ trợ gần có thể là vùng 940-945 điểm (vùng đáy cũ). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm trở lại, nhưng vẫn duy trì đóng cửa dưới MA20, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là điều chỉnh, phiên tăng điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật. Chỉ số có thể sớm chịu áp lực điều chỉnh trở lại thử thách vùng 102 điểm (vùng đáy tháng 1/2019). Nhìn chung, phiên tăng điểm ngày 05/06 có thể chỉ mang tính phục hồi kỹ thuật, xu hướng chính của thị trường vẫn là điều chỉnh. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng ở mức an toàn nhằm tránh những rủi ro bất ngờ tại thời điểm hiện tại.

## Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SRC   | 26.8                | 218.5          | 7.0%         |
| TN1   | 44.0                | 0.0            | 6.9%         |
| THI   | 35.5                | 0.0            | 6.9%         |
| HAR   | 4.2                 | 887.3          | 6.9%         |
| SGT   | 7.9                 | 35.9           | 6.9%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HDC   | 14.4                | 170.9          | -10.0%       |
| MCG   | 2.4                 | 2.0            | -6.9%        |
| CLL   | 24.7                | 3.5            | -6.8%        |
| TCO   | 13.9                | 0.1            | -6.7%        |
| NCT   | 70.0                | 50.7           | -6.7%        |

#### Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ROS   | 30.1                | 193.6             | 0.3%         |
| NBB   | 22.0                | 82.0              | 5.5%         |
| HPG   | 23.8                | 72.1              | -2.1%        |
| VJC   | 121.4               | 64.4              | 0.1%         |
| PVD   | 18.2                | 58.5              | 0.3%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ROS   | 30.1                | 6,480.8        | 0.3%         |
| FLC   | 4.4                 | 4,663.4        | 0.7%         |
| NBB   | 22.0                | 3,764.4        | 5.5%         |
| ITA   | 3.1                 | 3,188.1        | 2.6%         |
| PVD   | 18.2                | 3,179.5        | 0.3%         |

### HNX

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HKB   | 0.8                 | 0.2            | 14.3%        |
| SPI   | 1.0                 | 282.0          | 11.1%        |
| LDP   | 22.1                | 0.8            | 10.0%        |
| RCL   | 24.3                | 0.1            | 10.0%        |
| BAX   | 55.5                | 11.6           | 9.9%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| BII   | 0.9                 | 72.7           | -10.0%       |
| PVL   | 1.8                 | 7.0            | -10.0%       |
| UNI   | 7.3                 | 2.4            | -9.9%        |
| VE3   | 5.8                 | 0.2            | -9.4%        |
| FID   | 1.0                 | 1.0            | -9.1%        |

#### Top 5 giá trị

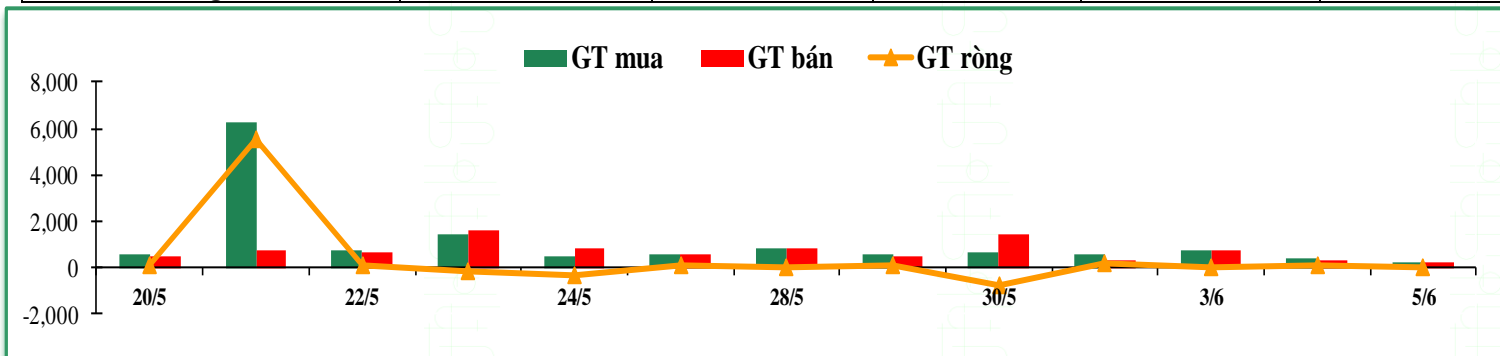
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 21.6                | 53.1              | 0.5%         |
| ACB   | 28.9                | 30.4              | 1.1%         |
| TNG   | 22.6                | 15.7              | 0.0%         |
| SHB   | 7.0                 | 13.1              | 0.0%         |
| SHS   | 11.2                | 11.6              | 0.0%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PVS   | 21.6                | 2,431.3        | 0.5%         |
| SHB   | 7.0                 | 1,871.7        | 0.0%         |
| ACB   | 28.9                | 1,056.8        | 1.1%         |
| SHS   | 11.2                | 1,035.5        | 0.0%         |
| MPT   | 3.0                 | 973.3          | 0.0%         |

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD         | GT Mua       | % Thị trường | GT Bán       | % Thị trường | Mua-Bán     |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|
| HOSE           | 252.0        | 12.9%        | 225.4        | 11.6%        | 26.6        |
| HNX            | 1.6          | 0.7%         | 10.0         | 4.5%         | -8.4        |
| <b>Tổng số</b> | <b>253.5</b> |              | <b>235.4</b> |              | <b>18.2</b> |



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| KMR   | 3.3                 | 26.6              | 6.8%         |
| VNM   | 127.5               | 23.4              | -0.9%        |
| VIC   | 115.9               | 19.9              | 1.1%         |
| FRT   | 50.0                | 15.4              | 0.8%         |
| VRE   | 34.4                | 14.6              | 0.2%         |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC   | 19.7                | 31.6              | -1.5%        |
| VNM   | 127.5               | 31.3              | -0.9%        |
| VHM   | 80.6                | 27.9              | 0.0%         |
| FRT   | 50.0                | 15.1              | 0.8%         |
| HDB   | 26.9                | 11.8              | 1.1%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| KMR   | 3.3                 | 26.6              | 6.8%         |
| VIC   | 115.9               | 19.1              | 1.1%         |
| PLX   | 62.0                | 8.5               | -0.3%        |
| NVL   | 60.5                | 8.2               | 0.5%         |
| VHC   | 89.1                | 7.7               | 0.2%         |

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| TIG   | 3.5                 | 0.4               | -2.8%        |
| TNG   | 22.6                | 0.3               | 0.0%         |
| SRA   | 12.2                | 0.1               | 1.7%         |
| PVI   | 36.1                | 0.1               | -1.6%        |
| SHB   | 7.0                 | 0.1               | 0.0%         |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 21.6                | 4.1               | 0.5%         |
| HGM   | 49.0                | 3.5               | 0.0%         |
| CSC   | 16.1                | 0.6               | 3.2%         |
| DNP   | 15.3                | 0.6               | 0.0%         |
| WCS   | 180.0               | 0.3               | 0.0%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| TIG   | 3.5                 | 0.4               | -2.8%        |
| TNG   | 22.6                | 0.3               | 0.0%         |
| SRA   | 12.2                | 0.1               | 1.7%         |
| PVI   | 36.1                | 0.1               | -1.6%        |
| SHB   | 7.0                 | 0.1               | 0.0%         |

## Tin trong nước

### **PVN ước doanh thu 336.000 tỷ đồng trong 6 tháng**

**Sau 5 tháng đầu năm, tập đoàn đạt 227.800 tỷ đồng doanh thu và nộp ngân sách 41.000 tỷ đồng, hướng đến vượt chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng.**

Trong 5 tháng đầu năm, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) ước tổng doanh thu đạt 227.800 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 41.000 tỷ đồng, vượt 6,2% chỉ tiêu 5 tháng.

Các chỉ tiêu khai thác dầu khí, sản xuất điện, đạm, xăng dầu của tập đoàn đều hoàn thành vượt mức. Chỉ tiêu sản xuất đạm 5 tháng đạt 563.100 tấn, vượt 13,5% kế hoạch 5 tháng.

Công tác phát triển mỏ được triển khai tích cực, đưa mỏ Cá Tầm vào khai thác từ ngày 25/1 với sản lượng đạt trên 1.180 tấn/ngày.

Tổng doanh thu 6 tháng dự kiến đạt 336.000 tỷ đồng, vượt 8% so với kế hoạch 6 tháng và tương đương 55% kế hoạch năm. Tập đoàn sẽ nộp ngân sách Nhà nước 6 tháng 49.700 tỷ đồng, vượt 7% so với kế hoạch 6 tháng và tương đương 57% kế hoạch năm.

Hoạt động của các đơn vị sản xuất là Vietsovpetro, PVEP, Rusvietpetro, BSR, PVPower, PVCFC... đều giữ được nhịp độ, bám sát kế hoạch được giao.

### **Loại Argentina, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Index được nâng lên 18,22%**

**Việc Argentina bị loại khỏi danh mục, trong khi Việt Nam được nâng tỷ trọng được kỳ vọng giúp dòng vốn đổ mạnh hơn vào thị trường Việt Nam.**

Thông tin từ MSCI cho biết, tính tới 31/5/2019, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong danh mục rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Index là 18,22%, xếp thứ 2 sau Kuwait với 31,45%.

Trong khi đó, thị trường Argentina đã bị loại hoàn toàn ra khỏi danh mục MSCI Frontier Markets Index do thị trường này đã được nâng hạng lên Emerging Markets. Việc Argentina bị loại khỏi danh mục đã giúp các thị trường còn lại được tăng tỷ trọng trong rổ MSCI Frontier Markets Index.

So với thời điểm cuối tháng 4, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam đã được tăng thêm 2,13% (tỷ trọng cuối tháng 4 của Việt Nam là 16,09%) và Kuwait tăng thêm 6,07% (tỷ trọng cuối tháng 4 của Kuwait là 25,38%).

Hiện tại, Việt Nam có 11 cổ phiếu trong rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Index, bao gồm VIC, MSN, VCB, HPG, STB, BVH, GAS, BID, VNM, SAB, POW. Trong đó, VIC là cổ phiếu Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn nhất với 3,9% (xếp hạng 4), tiếp theo là VNM (3,37%), VHM (2,35%).

Hiện tại, khá nhiều quỹ mở/đóng có quy mô hàng trăm triệu USD đang tracking theo MSCI Frontier Markets Index, có thể kể tới như Schroder International Selection Fund (1,3 tỷ USD), Templeton Frontier Markets Fund (628 triệu USD), Morgan Stanley Institutionam Fund (237 triệu USD), Magna Umbrella Fund (506 triệu USD)...Do đó, việc Argentina bị loại khỏi danh mục, trong khi Việt Nam được nâng tỷ trọng được kỳ vọng giúp dòng vốn đổ mạnh hơn vào thị trường Việt Nam.

Trong một báo cáo vào tháng 3, MSCI ước tính trong trường hợp Argentina và Kuwait được lên hạng Emerging Markets (Kuwait lên hàng năm 2020), tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong danh mục MSCI Frontier Markets Index sẽ lên tới 25,8%.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Vinamilk mua thành công hơn 90 triệu cổ phiếu GTN trong đợt chào mua công khai**

Vinamilk đã mua thành công 90.066.426 cổ phiếu GTN trong đợt chào mua công khai cổ phiếu nâng số lượng cổ phiếu GTN đang nắm giữ lên 95.854.896 cổ phiếu tương đương tỷ lệ 38,34%.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk-mã chứng khoán VNM) vừa công bố báo cáo kết quả chào mua công khai cổ phiếu GTN của Công ty cổ phần GTNfoods.

Theo đó, Vinamilk đã mua thành công 90.066.426 cổ phiếu GTN trong đợt chào mua công khai cổ phiếu nâng số lượng cổ phiếu GTN đang nắm giữ lên 95.854.896 cổ phiếu tương đương tỷ lệ 38,34%. Như vậy là, Vinamilk vẫn chưa thực hiện được mục tiêu nắm giữ đến 49% lượng cổ phần GTNfoods như ban đầu.

Thông tin trước đó cho thấy, Vinamilk chào mua 116,71 triệu cổ phần GTN, tương ứng 46,68% lượng cổ phần đang lưu hành của GTN với mức giá chào mua của Vinamilk là 13.000 đồng/cp. So với giá thị trường tại thời điểm Vinamilk chào mua thì mức giá chào mua của Vinamilk thấp hơn thị giá GTN thời điểm đó đến 24%.

### **Minh Phú bị cáo buộc tránh thuế chống bán phá giá tại Mỹ**

**Minh Phú bị cáo buộc mua tôm Ấn Độ và chế biến qua tại Việt Nam trước khi xuất sang Mỹ nhằm trốn thuế chống bán phá giá đang áp cho tôm nhập khẩu từ Ấn Độ.**

Trong bức thư gửi cho ủy viên Cục Hải quan và Biên phòng (CBP) ông Kevin McAleenan, đại diện của bang Illinois - ông Darin LaHood cho biết đã nhận được một đơn kiện bằng thư điện tử vào ngày 12/5 liên quan tới việc Tập đoàn Minh Phú tránh thuế chống bán phá giá với tôm Ấn Độ tại Mỹ.

Ông LaHood trích nội dung đơn kiện cho biết Minh Phú Group tránh thuế chống bán phá giá đối với tôm đông lạnh nhập khẩu từ Ấn Độ, gây thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước và gây nguy hiểm cho người tiêu dùng Mỹ.

### **Tiêu thụ thép xây dựng của Hoà Phát 5 tháng tăng 22%**

5 tháng đầu năm, Hoà Phát đạt sản lượng 1,16 triệu tấn thép xây dựng, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Thép xây dựng Hoà Phát phía Nam đạt 149.270 tấn, tăng 2,65 lần so với cùng kỳ năm 2018.

Tính riêng tháng 5, sản lượng thép xây dựng của Hoà Phát đã tiêu thụ 226.000 tấn, trong đó thị trường miền Nam tăng 2,5 lần so với cùng kỳ 2018.

Lượng thép xây dựng xuất khẩu 5 tháng cũng tăng 21,4%, đạt 106.358 tấn. Các thị trường xuất khẩu nhiều nhất gồm Nhật Bản, Mỹ, Canada, các nước ASEAN như Campuchia, Malaysia, Lào...

Hoà Phát vẫn duy trì vị thế số 1 trong ngành thép Việt Nam với thị phần quanh mức 25%.

### **Yeah1 sẽ mua 2 triệu cổ phiếu quỹ từ 18/6**

Khối lượng tối đa mà Yeah1 mua lại là 2 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương với 6,39% số cổ phiếu đã phát hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (HoSE: YEG) vừa thông báo mua lại 2 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương với 6,39% số cổ phiếu đã phát hành. Hiện Yeah1 chưa sở hữu cổ phiếu quỹ. Thời gian thực hiện từ ngày 18/6 đến ngày 17/7 theo phương thức giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận.

Nguồn vốn thực hiện được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần theo BCTC kiểm toán năm 2018. Mục đích mua lại là nhằm giảm lượng cổ phiếu đang lưu hành, tái cơ cấu nguồn vốn cho công ty.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do                       |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-----------------------------|
| 1   | MSH   | Mua         | 6/6/2019         | 58.1         | 58.1          | 0.0%           | 62.0         | 6.7%       | 56.9       | -2.1%      | Cổ phiếu ở vùng hỗ trợ mạnh |

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | HVH   | Nắm giữ     | 3/5/2019         | 27.55        | 26.05         | 5.8%           | 31.0         | 19%        | 24.2       | -7%        |         |
| 2   | DBD   | Mua         | 5/6/2019         | 43.90        | 43.70         | 0.5%           | 47.3         | 8%         | 42.5       | -3%        |         |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018/19E (tỷ) | EPS 2018/19E | BV 2018/19E | ROE 2018/19E | ROA 2018/19E | PE 2018/19E | PB 2018/19E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|-------------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|------------------|
| <a href="#">STK</a> (New) | HOSE  | 24,200  | 27,398        | 04/06/2019      | 211                     | 2,980        | 15,841      | 19%          | 9%           | 9.2         | 1.7         | 15%              |
| <a href="#">PHR</a> (New) | HOSE  | 56,600  | 55,300        | 23/05/2019      | 1,065                   | 7,858        | N/A         | 37%          | 20%          | 7.0         | 2.4         | 40%              |
| <a href="#">HPG</a> (New) | HOSE  | 23,800  | 33,600        | 19/04/2019      | 8,501                   | 4,003        | N/A         | 23%          | 13%          | 10.0        | 2.6         | N/A              |
| <a href="#">MSN</a> (New) | HOSE  | 85,000  | 96,375        | 18/04/2019      | 5,206                   | 4,476        | 33,331      | 14%          | 8%           | 22.0        | 2.9         | N/A              |
| <a href="#">GAS</a> (New) | HOSE  | 102,000 | 90,500        | 11/04/2019      | 11,510                  | 6,014        | N/A         | 24%          | 16%          | 16.0        | 2.6         | N/A              |
| <a href="#">POW</a> (New) | HOSE  | 15,600  | 19,100        | 13/03/2019      | 2,133                   | 911          | 10,685      | 9%           | 4%           | 21.0        | 1.8         | 7%               |
| <a href="#">CTD</a>       | HOSE  | 107,000 | 157,632       | 25/01/2019      | 1,608                   | 21,302       | 117,140     | 19%          | 9%           | 7.4         | 1.3         | 50%              |
| <a href="#">BMP</a>       | HOSE  | 41,500  | 75,200        | 09/01/2019      | 499                     | 6,090        | 33,553      | 19%          | 16%          | 12.4        | 2.2         | 40%              |
| <a href="#">CTI</a>       | HOSE  | 23,100  | 30,370        | 24/12/2018      | 139                     | 1,789        | 23,470      | 10%          | 3%           | 16.9        | 1.3         | 10%              |
| <a href="#">QNS</a>       | HOSE  | 31,400  | 47,753        | 21/12/2018      | 1,097                   | 3,751        | 16,965      | 23%          | 15%          | 12.7        | 2.8         | 15%              |
| <a href="#">ANV</a>       | HOSE  | 28,300  | 42,824        | 12/12/2018      | 588                     | 3,890        | 14,795      | 38%          | 18%          | 12.0        | 2.9         | 20%              |
| <a href="#">LHG</a>       | HOSE  | 18,700  | 27,200        | 05/12/2018      | 182                     | 3,643        | 23,964      | 16%          | 9%           | 7.5         | 1.1         | 15%              |
| <a href="#">GIL</a>       | HOSE  | 31,900  | 47,122        | 04/12/2018      | 176                     | 9,237        | 38,783      | 27%          | 11%          | 5.1         | 1.2         | 30%              |
| <a href="#">NTC</a>       | UPCOM | 140,500 | 91,800        | 04/12/2018      | 440                     | 27,497       | 34,719      | 94%          | 14%          | 7.1         | 3.2         | 60%              |
| <a href="#">ACB</a>       | HNX   | 28,900  | 37,400        | 29/11/2018      | 5,349                   | 4,289        | 17,477      | 28%          | 2%           | 8.7         | 2.1         | 15%              |
| <a href="#">DVP</a>       | HOSE  | 38,400  | 66,000        | 28/11/2018      | 326                     | 6,879        | 28,359      | 26%          | 23%          | 9.6         | 2.3         | 45%              |
| <a href="#">HVN</a>       | UPCOM | 42,000  | 36,000        | 14/11/2018      | 2,145                   | 1,512        | 13,897      | 12%          | 2%           | 21.8        | 2.4         | 8%               |
| <a href="#">KDH</a>       | HOSE  | 30,900  | 32,900        | 14/11/2018      | 671                     | 1,736        | 15,050      | 11%          | 7%           | 18.9        | 2.1         | 5%               |
| <a href="#">TNG</a>       | HNX   | 22,600  | 22,705        | 05/11/2018      | 175                     | 3,548        | 15,909      | 25%          | 7%           | 6.4         | 1.4         | 20%              |
| <a href="#">TCM</a>       | HOSE  | 26,900  | 29,986        | 05/11/2018      | 241                     | 4,436        | 32,810      | 21%          | 7%           | 6.8         | 0.9         | 10%              |
| <a href="#">VJC</a>       | HOSE  | 121,400 | 104,300       | 05/11/2018      | 5,810                   | 10,727       | 42,703      | 46%          | 18%          | 12.5        | 3.9         | 40%              |
| <a href="#">FPT</a>       | HOSE  | 43,600  | 57,500        | 17/10/2018      | 3,533                   | 5,124        | 19,748      | 28%          | 14%          | 10.0        | 2.9         | 25%              |

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.